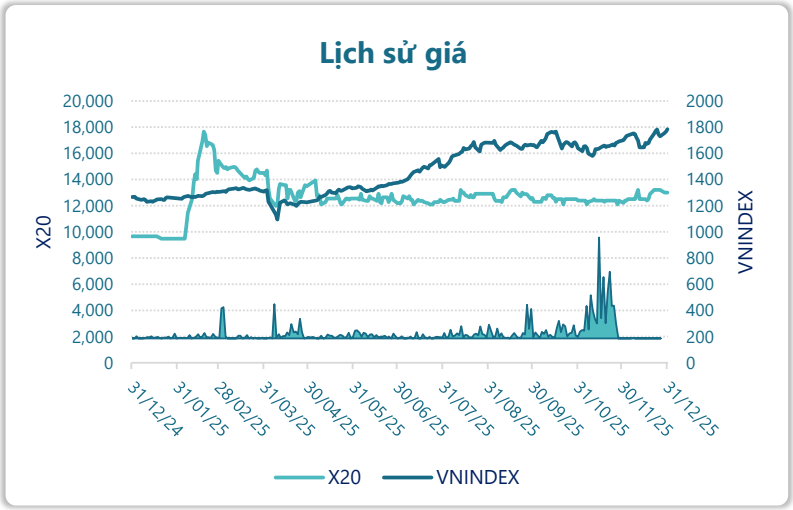
FireAnt

CTCP X20 (HNX: X20)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**13,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,662
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,482
SL cổ phiếu LH	17,250,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,190
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	224
P/E	10.6
EPS	1,221

DT thuần

Q4/25

419

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 144| 52.3%

YoY: ▼157| -27.3%

LN sau thuế

Q4/25

7.59

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.31| -36.2%

YoY: ▼22.2| -74.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

4.0%

+/- YoY: ▼ 0.5%

DT thuần

2025

1,122

tỷ VNĐ

YoY: ▼180| -13.8%

LN sau thuế

2025

34.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼10.4| -23.1%

ROE

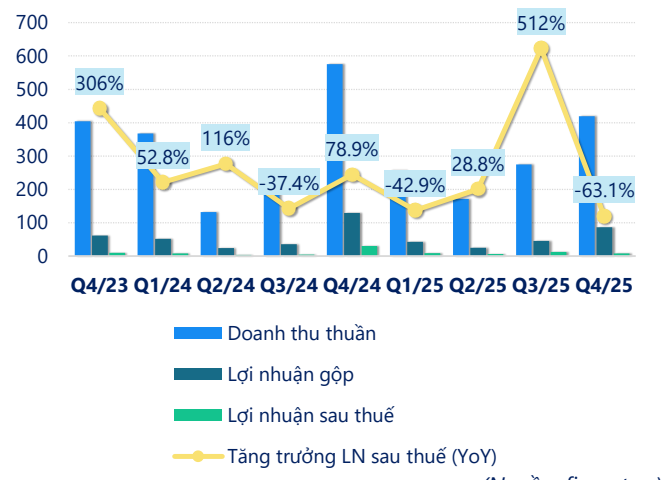
2025

7.2%

+/- YoY: ▼ 9.2%

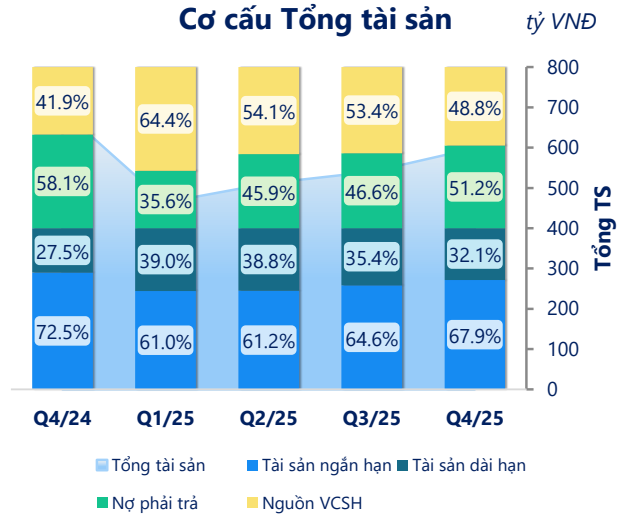
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



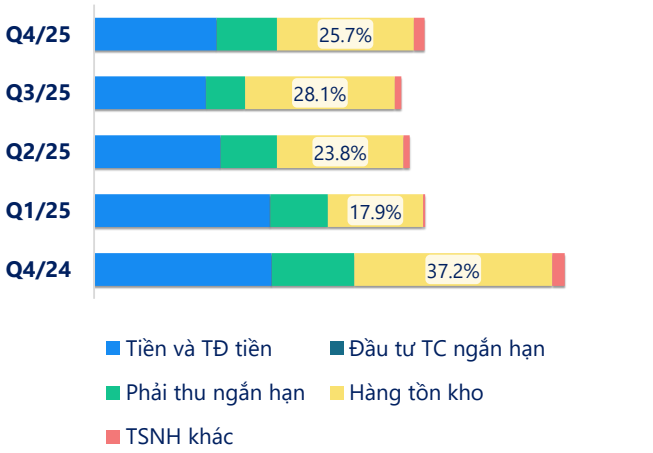
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



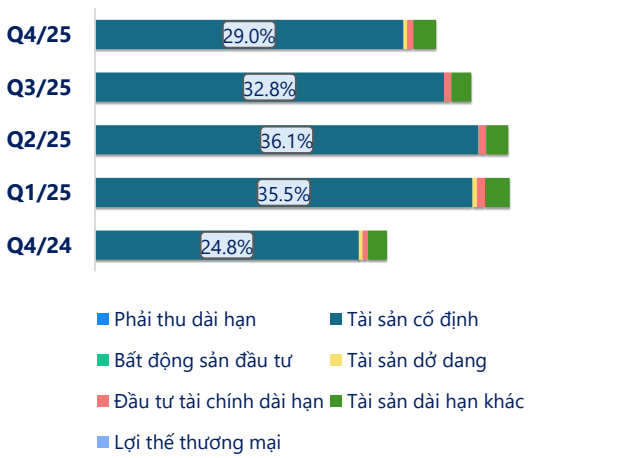
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



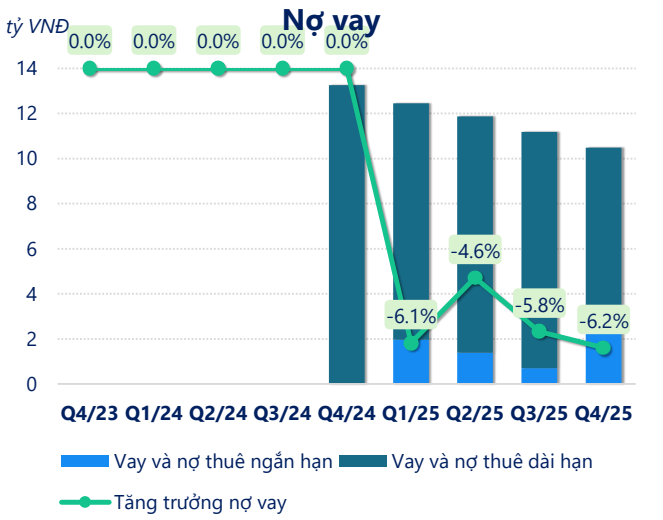
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



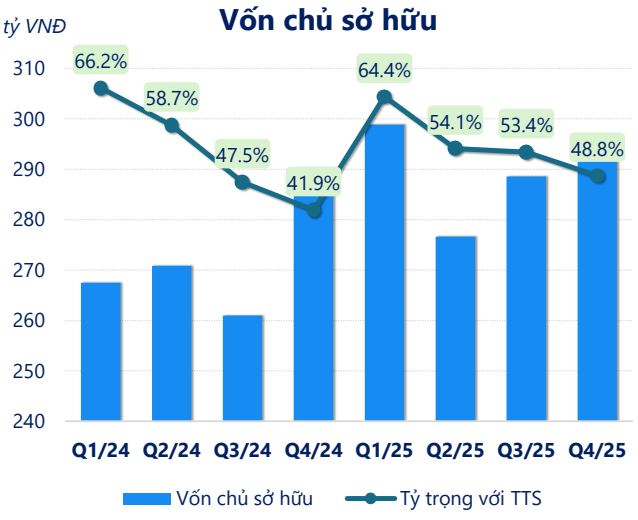
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



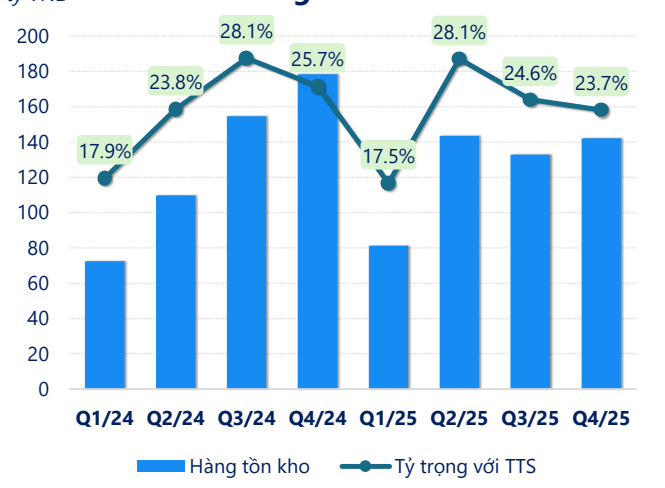
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



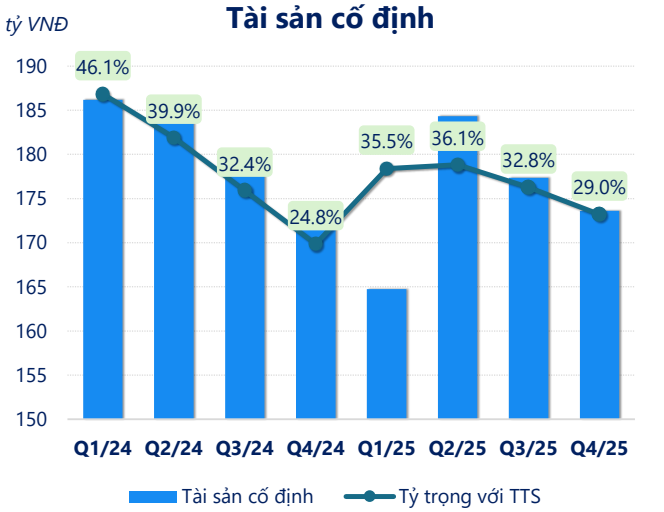
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



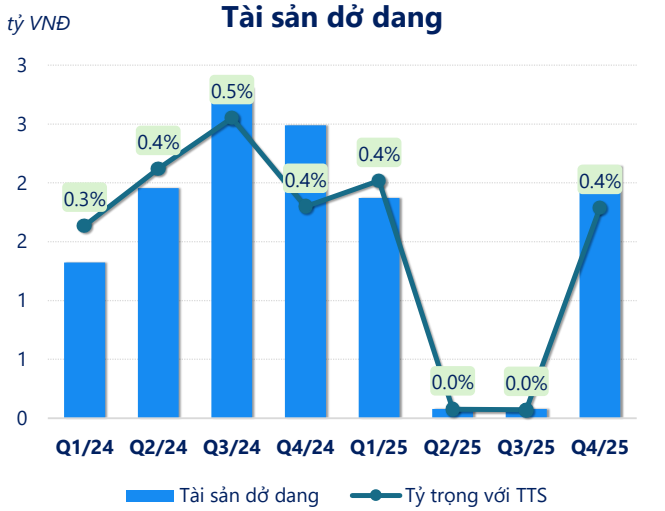
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



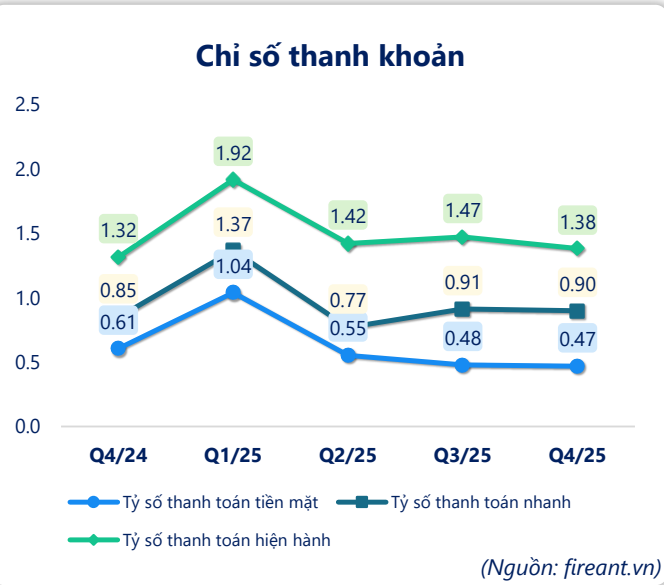
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



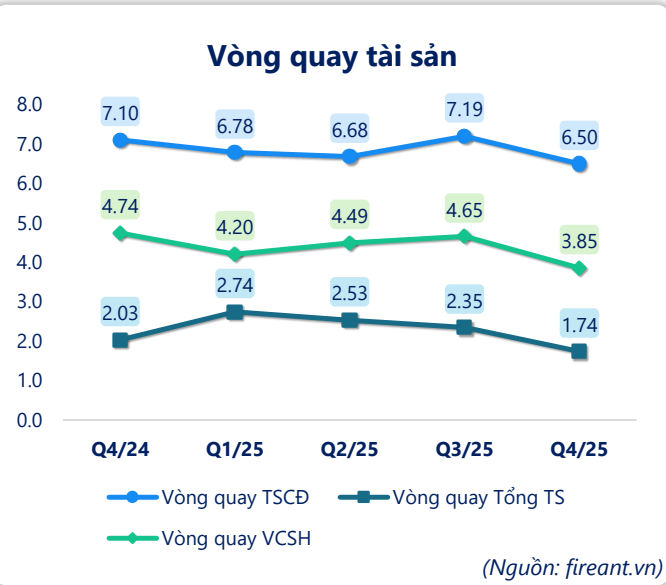
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**692**	**464**	**511**	**540**	**599**
Tài sản ngắn hạn	**502**	**283**	**313**	**349**	**407**
Tiền và tương đương tiền	231	153	121	114	138
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.40	0.40	0.40	3.90	20.9
Phải thu ngắn hạn	78.5	44.1	40.5	92.6	102
Hàng tồn kho	178	81.2	143	133	142
Tài sản ngắn hạn khác	14.0	3.90	6.86	6.11	3.86
Tài sản dài hạn	**190**	**181**	**199**	**191**	**192**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0.00	0.00
Tài sản cố định	172	165	184	177	174
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	2.49	1.87	0.08	0.08	2.14
Đầu tư tài chính dài hạn	3.47	3.61	3.65	3.65	3.39
Tài sản dài hạn khác	12.4	10.7	10.5	10.1	12.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**402**	**165**	**235**	**252**	**307**
Nợ ngắn hạn	**382**	**148**	**220**	**237**	**294**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	1.96	1.39	0.69	2.77
Phải trả người bán ngắn hạn	189	47.3	88.4	112	151
Nợ dài hạn	20.4	17.4	14.7	14.5	12.5
Vay và nợ thuê dài hạn	13.3	10.5	10.5	10.5	7.72
Nguồn vốn chủ sở hữu	**290**	**299**	**277**	**289**	**292**
Vốn chủ sở hữu	**290**	**299**	**277**	**289**	**292**
Vốn điều lệ	173	173	173	173	172
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)